

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Dốc Truong Sỏi tại thị trấn Tăng Bạt Hổ của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3781/STNMT-CCBVMT ngày 18/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và PTQĐ huyện Hoài Ân;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1550/TTr-STNMT ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM của Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Tăng Bạt Hổ và xã Ân Đức, huyện Hoài Ân với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (để b/c);
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Sở TNMT;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Hoài Ân;
- CVP UBND tỉnh;
- UBND TT Tăng Bạt Hổ;
- UBND xã Ân Đức;
- Lưu: VT, K4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
ĐỐC TRƯÔNG SỎI CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN HOÀI ÂN

(Kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày /01/2025
của UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đốc Truông Sỏi.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Tăng Bạt Hổ và xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Chủ Dự án: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân.
- Địa điểm liên hệ: Thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Cụm công nghiệp Đốc Truông Sỏi được thành lập ngày 30/09/2011 theo Quyết định số 2214/QĐ-CTUBND của UBND tỉnh với diện tích 15,3 ha; điều chỉnh, mở rộng tại Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Bình Định với diện tích 19,02 ha; và được phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2023.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích Dự án: 190.020 m² (19,02 ha).
- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

TT	Loại đất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 2478/QĐ-CTUBND ngày 09/11/2012		Quy hoạch điều chỉnh tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2023	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất phân lô sản xuất	108.538,6	70,9	117.355	61,7
2	Đất cây xanh	15.272,3	10	34.485,4	18,1
3	Hạ tầng kỹ thuật	5.557,7	3,6	10.272,8	5,4

TT	Loại đất	Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 2478/QĐ-CTUBND ngày 09/11/2012		Quy hoạch điều chỉnh tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2023	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
-	Hồ điều hòa	2.947,9	1,9	2.274,7	1,2
-	Khu xử lý nước thải	0	0	1.190,2	0,6
-	Khu trung chuyển chất thải rắn	0	0	2.275,7	1,2
-	Mương đất hiện trạng	0	0	445,5	0,2
-	Mương bê tông	0	0	1.079,8	0,6
-	Hành lang hạ tầng kỹ thuật	2.609,8	1,7	3.006,9	1,6
4	Đất giao thông	23.687,2	15,5	28.086,8	14,8
	Tổng cộng (Không tính diện tích Nhà máy cấp nước)	153.055,8	100	190.200	100

- Dự án thuộc Dự án đầu tư nhóm II, mục số 5 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nên thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình

- Các hạng mục công trình chính: San nền, phân lô đất cơ sở sản xuất công nghiệp; hệ thống giao thông; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải; trạm xử lý nước thải tập trung với công suất 190 m³/ngày đêm; hồ phòng ngừa sự cố có dung tích 494 m³; hồ điều hòa 2.274,7 m²; khu trung chuyển chất thải rắn với diện tích 2.275,7 m², kho chất thải nguy hại diện tích 20 m²; hệ thống cây xanh.

- Các công trình phụ trợ: Nhà điều hành; nhà bảo vệ, cổng, tường rào; sân đường nội bộ,...

1.3.2. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp (theo Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Bình Định): Nhóm ngành sản xuất, chế biến nông lâm sản; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng.

1.3.3. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.
- Hoạt động bóc dỡ, lưu chứa tạm thời và vận chuyển đất, đá thừa ra khỏi công trình.
- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.
- Hoạt động của các Dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp.
- Hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.
- Hoạt động phát quang tại khu vực thực hiện Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công, phế thải và hoạt động thi công phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực và tác động đến các cơ sở đang hoạt động trong cụm công nghiệp.
- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt diện tích đất rừng sản xuất phát sinh đất hữu cơ.
- Hoạt động bóc dỡ, lưu chứa tạm thời và đưa đất, đá thừa ra khỏi công trình phát sinh bụi, ồn, nước mưa cuốn trôi đất đá trên bề mặt,...
- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn 9,09 ha đất rừng sản xuất có khả năng gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của người dân; ảnh hưởng hệ sinh thái cũng như điều kiện vi khí hậu của khu vực.

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Hoạt động của khu nhà điều hành và các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,...

- Hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi hôi, bùn thải, tiếng ồn, độ rung...

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông.

- Hoạt động nạo vét, duy tu, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công khoảng 3,6 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Nito, Photpho, Coliform.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng các phương tiện thi công, vận chuyển khoảng 2 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của các Nhà máy thứ cấp đang hoạt động trong Cụm công nghiệp phát sinh với lưu lượng khoảng 10m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, COD, Amoni (tính theo N), tổng N, tổng P, Coliform, các chỉ tiêu kim loại nặng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của nhà điều hành và các Nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh với lưu lượng khoảng 190 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, COD, Amoni (tính theo N), tổng N, tổng P, Coliform, các chỉ tiêu kim loại nặng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, khai thác đất, thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật, vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của dự án đầu tư thứ cấp đang hoạt động trong Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp (có lưu lượng và thành phần phụ thuộc ngành nghề sản xuất).
- Mùi hôi, khí thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng: NH_3 , H_2S , CH_3SH , CH_4 .
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong Cụm công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO_2 , NO_x , CO .

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng phát quang cây cối, thực bị khoảng 54,648 tấn. Thành phần chủ yếu: cỏ, thân cây, lá, gốc cây,...
- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 570,6 - 951 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: đất đá, gạch vỡ, cát, sắt thép vụn.
- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân với khối lượng khoảng 68,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,....
- Đất thừa phát sinh từ quá trình đào đắp san gạt mặt bằng khoảng 359.525,52 m³. UBND huyện Hoài Ân và Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu khối lượng đất thừa nêu trên, đảm bảo việc tính toán phù hợp với hiện trạng mặt bằng dự án và cao độ san nền theo Quy hoạch tỷ lệ 1/500 của Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi.
- Đất hữu cơ từ quá trình bóc tách tầng mặt đất trồng rừng sản xuất ước tính khoảng 21.087,44 m³.
- Xà bần phát sinh từ hoạt động di dời, cải táng các ngôi mộ khoảng 55,2 m³.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh của nhà máy thứ cấp đang hoạt động trong Cụm công nghiệp với khối lượng khoảng 100 kg/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động người lao động tại khu nhà điều hành của Cụm công nghiệp với khối lượng khoảng 6,85 kg/ngày; chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các Nhà máy thứ cấp. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...
- Bùn thải từ nạo vét, khơi thông kênh mương thoát nước 48,6 m³/năm.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động khu điều hành dịch vụ và trạm xử lý nước thải tập trung ước tính khoảng 365 kg/năm. Thành phần chủ yếu: giấy vụn, bao bì carton,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào ngành nghề của các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 200 kg trong suốt thời gian thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

- Chất thải nguy hại phát sinh của nhà máy thứ cấp đang hoạt động trong Cụm công nghiệp với khối lượng khoảng 250 kg/năm.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của nhà điều hành và Trạm xử lý nước thải tập trung với khối lượng khoảng 60 kg/năm. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì đựng hóa chất,...

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp khoảng 0,357 m³/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp khối lượng và thành phần phụ thuộc vào ngành nghề sản xuất của các dự án.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động của các phương tiện bốc dỡ, vận chuyển nguyên vật liệu, chuyển đất thừa ra ngoài công trình; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các Nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp.

b) Giai đoạn hoạt động

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp đang hoạt động trong Cụm công nghiệp.

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung và máy phát điện.

3.3. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương

tiện vận chuyển nguyên vật liệu, ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng rừng sang mục đích khác, tác động đến kinh tế của người dân và hệ sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom và xử lý bằng 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất phát sinh trong quá trình bóc dỡ, vận chuyển đất thừa ra khỏi công trường: Tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công, tránh gây ngập úng cục bộ; bố trí các gờ giảm tốc, các hố giảm tốc kết hợp lắng để hạn chế sa bồi, sạt lở.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Hệ thống thoát nước mưa được thu gom thành 3 nhánh, đưa về 2 cửa xả, dẫn về mương nước tập trung và dẫn về Hồ điều hòa.

+ Nhánh thứ nhất: Thu nước lưu vực sườn dốc phía Tây Nam và phía Tây của Dự án:

Hướng thoát nước tuyến mương này từ điểm cao nhất của địa hình ở phía Tây Nam, đi dọc ranh giới phía Tây Nam, phía Tây của Dự án, sau đó thoát vào mương đất hiện trạng và thu về Hồ điều hòa phía Đông Bắc khu quy hoạch.

Sử dụng mương hở M(B;b,H): M800;400;400, M900;400;500, M1100;500;600, M1450;700;750 để thoát nước cho lưu vực. Mương đặt cách mép hành lang kỹ thuật và đường dân sinh 1,0 m.

+ Nhánh thứ hai: Thu nước lưu vực phía Tây, Tây Bắc của Dự án.

Hướng thoát nước từ điểm quay đầu xe phía Tây thoát theo đường N2 - đường N1 - đường D1 - Mương đất và thu về Hồ điều hòa phía Đông Bắc khu quy hoạch.

Sử dụng cống bê tông ly tâm đường kính D600, D800, D1000, D1200, D1400, D1800 để thoát nước cho lưu vực.

+ Nhánh thứ ba: Thu nước lưu vực phía Đông, Đông Bắc, Nam, Đông Nam và trung tâm của Dự án.

Những khu vực này có một phần phía Nam là khu vực có độ dốc cao, còn lại có độ dốc địa hình thấp. Phần sườn dốc cao phía Nam sử dụng mương hở hình thang để thoát nước, phần còn lại các khu vực khác có độ dốc thấp sử dụng cống bê tông ly tâm đặt dưới vỉa hè đường giao thông để thoát nước.

Hướng thoát từ sườn đồi phía Nam, Nút N4 thoát theo đường N2 - đường D3 - đường N1 - đường D2 thu về Hồ điều hòa phía Đông Bắc khu quy hoạch.

Sử dụng Mương hở M(B;b,h): M800;400;400, M900;450;450 và cống bê tông ly tâm đường kính D600, D800, D1000, D1200, D1400, D2000 để thoát cho lưu vực. Mương đặt cách mép hành lang kỹ thuật 1,0 m.

+ Mương nước tập trung: Là hệ thống mương thoát nước phía Bắc khu quy hoạch: Bao gồm mương đất hiện trạng và mương đất đào mới từ đường D2 đến Hồ điều hòa.

Mương đất đào mới được đào từ đường D2 đến khu vực Hồ điều hòa, có kích thước M3500;1200;1150 thu nước tập trung từ 3 nhánh đổ về, sau đó thoát ra Hồ điều hòa phía Đông Bắc khu quy hoạch.

+ Hồ điều hòa: Để điều tiết lưu lượng thoát nước mưa, xây dựng Hồ điều hòa có diện tích 2.274,7 m², chiều sâu 2,5 m, mái taluy xây đá chẻ m = 1,2 để đảm bảo tiếp nhận lưu lượng thoát nước lớn nhất là 3.182,0 l/s.

- Nước thải sinh hoạt và sản xuất của các Nhà máy sau khi được xử lý cục bộ (đạt cột B - QCVN 40:2011/BTNMT hoặc theo thỏa thuận giữa các Nhà máy thứ cấp với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất của huyện Hoài Ân) sẽ được đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung nằm phía Đông Bắc của Dự án để xử lý đạt cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra Hồ điều hòa, sau đó ra mương tiêu thoát nước khu vực.

- Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp đầu tư như sau:

+ Đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 190 m³/ngày đêm (hoàn thành trong giai đoạn đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp).

+ Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải (bao gồm hệ thống thu gom, xử lý mùi hôi): Nước thải (sau khi xử lý sơ bộ tại các Nhà máy thứ cấp) → Bể thu gom → Bể tuyển nổi → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Mương đất phía Đông Bắc của Dự án (nước thải đạt cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp) (Tọa độ điểm xả nước thải X = 1.588.289; Y = 576.495 (theo hệ

tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom và hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với các hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$ trước khi thải ra mương đất tiêu thoát nước khu vực. Không được phép xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố với Trạm xử lý nước thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

- Vị trí xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị lấy và lưu mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát theo quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công, các tuyến đường vận chuyển đất thừa từ Dự án đến công trình san lấp và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: Sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động các dự án thứ cấp trong Cụm công

nghiệp sẽ được thu gom, xử lý tại các Nhà máy.

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Khu công nghiệp với tần suất từ $2 \div 3$ lần/ngày (trừ những ngày mưa).

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ Cụm công nghiệp.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Trồng cây xanh trong phạm vi cụm công nghiệp trong với quá trình thi công xây dựng hạ tầng, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch phê duyệt là 34.485,4 m² (18,1%); đảm bảo dải cây xanh cách ly xung quanh Cụm công nghiệp với chiều rộng tối thiểu 10 m và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp theo đúng quy định.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Toàn bộ bùn, đất hữu cơ từ hoạt động bóc bề mặt diện tích đất trồng rừng sản xuất, xà bần từ các ngôi mộ trong phạm vi Dự án được tập kết tại các khu vực quy hoạch trồng cây xanh và tận dụng toàn bộ vào mục đích trồng cây trong khuôn viên Dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải xây dựng được tận dụng vào mục đích san nền trong phạm vi Dự án; tận dụng một phần phế thải có khả năng tái chế (vụn sắt thép, bao bì xi măng,...) để bán cho đơn vị có chức năng tái chế. Phần không thể tận dụng được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với đất thừa phát sinh từ hoạt động đào đắp (khoảng 359.525,52 m³), UBND huyện Hoài Ân và Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân chịu trách nhiệm về số liệu khối lượng đất thừa nêu trên, đảm bảo việc tính toán phù hợp với hiện trạng mặt bằng dự án và cao độ san nền theo

Quy hoạch tỷ lệ 1/500 của Cụm công nghiệp Dốc Trông Sỏi; giám sát nhà thầu trong quá trình thi công đào đắp, san gạt mặt bằng; thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; khai thác và vận chuyển theo đúng phương án khai thác được duyệt.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí các thùng rác có nắp đậy, thu gom và tập kết về kho lưu chứa chất thải có diện tích 20 m² được xây dựng tại vị trí quy hoạch khu trung chuyển chất thải rắn; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; định kỳ vệ sinh, quét dọn các tuyến đường nội bộ và kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước mưa, đặc biệt là trước mùa mưa bão.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn thông thường tự hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- UBND huyện Hoài Ân có trách nhiệm kiểm tra và xác nhận khối lượng đất thừa phát sinh từ quá trình thi công của dự án theo đúng thực tế; giám sát hoạt động vận chuyển và sử dụng đất thừa theo đúng cam kết của Chủ dự án (sử dụng khối lượng đất thừa phát sinh từ Dự án khoảng 359.525,52 m³ để san lấp các công trình có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước tại địa phương).

- Vị trí xây dựng khu trung chuyển chất thải rắn 2.275,7 m² phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để thu gom, phân loại và lưu chất thải nguy hại trong các thùng riêng biệt. Các thùng được lưu giữ tạm thời tại kho

lưu giữ chất thải nguy hại diện tích khoảng 05 m² bố trí trong khuôn viên công trường thi công. Định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Xây dựng 01 khu vực chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m² tại vị trí quy hoạch khu trung chuyển chất thải rắn để lưu giữ và phân loại chất thải nguy hại hoạt động của Nhà điều hành và Trạm xử lý nước thải tập trung; kho chứa có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định, bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 240 lít, có nắp đậy và 01 can 50 lít, dán nhãn theo quy định; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung được hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh chất thải nguy hại tự hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Sử dụng các thiết bị thi công đăng kiểm đảm bảo.
- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị thi công.
- Thực hiện tưới nước các tuyến đường vận chuyển.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h đến 6h sáng hôm sau.

- Các phương tiện vận chuyển đất thừa ra khỏi công trình chỉ được hoạt động từ 7h đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h hàng ngày.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của Trạm xử lý nước thải

tập trung.

- Các dự án đầu tư thứ cấp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng Dự án.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất trồng rừng sản xuất

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề, đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật; nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng rừng sản xuất vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công xây dựng.
- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công xây dựng của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giai đoạn thi công, xây dựng

a) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

b) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động Xây dựng nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy

đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

c) Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với hoạt động hạ cos làm mặt bằng

- Thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước mưa.
- Tuân thủ quy trình, phạm vi thi công xây dựng.
- Cấm các biện pháp báo nguy hiểm cho người dân được biết tránh đến gần khu vực thi công xây dựng.

- Thường xuyên nạo vét hồ giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sụt lở, sa bồi, ảnh hưởng đến khu vực khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giai đoạn hoạt động

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố Trạm xử lý nước thải tập trung

- Xây dựng 01 hồ sự cố có dung tích 494 m³, xây dựng tường chắn cao 80 cm xung quanh hồ để chống nước mưa tràn vào hồ. Hồ sự cố đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng và được xây dựng cùng thời gian xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung. Hồ sự cố luôn để trống sẵn sàng chứa nước thải khi có sự cố xảy ra. Trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được lưu giữ tại hồ sự cố sau đó bơm ngược lại về Trạm xử lý nước thải tập trung (sau khi khắc phục sự cố) để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của Trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành Trạm xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho Trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

b) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải

Các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải theo nội dung hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

c) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước

Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín của tất cả các tuyến ống, các ống thu gom nước thải sử dụng ống HDPE có độ bền cao, các ống thu gom nước mưa, nước thải qua đường được lồng trong ống thép.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

+ KK1: Mẫu không khí tại khu vực khu dân cư hiện trạng phía Đông của Dự án. Tọa độ: X=1.588.024, Y=576.511 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

+ KK2: Mẫu không khí tại khu vực khu dân cư hiện trạng phía Bắc Dự án. Tọa độ: X=1.588.373, Y= 576.476 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, bụi.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

Giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giám sát trong giai đoạn hoạt động

5.2.1. Giám sát nước thải

a. Quan trắc tự động nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu ra (sau bể khử trùng) của Trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ X=1.588.331; Y=576.438 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Tần suất giám sát: Tự động, liên tục.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$.

b. Quan trắc định kỳ nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu ra (sau bể khử trùng) của Trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ X=1.588.331; Y=576.438 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3° , kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$).

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Thực hiện theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$. (trừ các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$.

c. Giám sát nước thải khi trạm quan trắc tự động, liên tục gặp sự cố

Trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động từ 48 giờ trở lên, Chủ Dự án thực hiện quan trắc theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Cụ thể như sau:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu ra (sau bể khử trùng) của Trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ $X=1.588.331$; $Y=576.438$ (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni (kết quả quan trắc phải được lưu giữ và gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Tần suất giám sát: 01 ngày/lần (cho tới khi thiết bị quan trắc nước thải liên tục, tự động hoạt động trở lại).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$.

5.2.2. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ quy định của Luật Khoáng sản trước khi thực hiện vận chuyển đất thừa ra khỏi phạm vi Dự án.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ đầu tư Cụm công nghiệp, không tiếp nhận thêm dự án đầu tư mới hoặc nâng công suất đối với các cơ sở đang hoạt động có phát sinh nước thải trong thời gian CCN chưa hoàn thành đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điều 52 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.3.2 của Quyết định này; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án và các cơ sở đang hoạt động, các dự án đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp, đảm bảo việc tiếp nhận cơ sở, dự án đầu tư mới hoặc nâng công suất cơ sở, dự án đầu tư đang hoạt động có phát sinh nước thải vào Cụm công nghiệp phải phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Xây dựng phương án điều tiết giao thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo hoạt động của Dự án không ảnh hưởng tới cảnh quan, môi trường, hoạt động kinh doanh, sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực Dự án.

- Thực hiện phân khu chức năng trong Cụm công nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp có diện tích cây xanh và khoảng cách an toàn môi trường theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng; không bố trí quy hoạch các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp có hoạt động phát sinh bụi, mùi khó chịu hoặc tiếng ồn cao tại vị trí gần khu dân cư và đường giao thông; tăng cường diện tích cây xanh, bề rộng vành đai cây xanh để hạn chế tác động đến các khu dân cư lân cận.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ Dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện Dự án đầu tư chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước; xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải tự động liên tục và kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Dự án theo quy định.

- Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; bố trí ít nhất một nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm; tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở, dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.